

Bản án số:23/2021/KDTM-PT.

Ngày 05/02/2021.

“*V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc*”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Ngọc Thành.

Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh và bà Ngô Tuyết Băng.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thu Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân TP Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: ông Trần Chí Thành- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 02/02/2021 và 05/2/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 269/2020/KTPT ngày 01/12/2020 về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2020/KDTM-ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2021/QĐXX-PT ngày 15/01/2021, giữa:

Nguyên đơn: Công ty tài chính cổ phần ĐL

Trụ sở: quận Ba Đình, TP Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Hoàng H- Tổng Giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH AH do ông Đặng Trường S và bà Dương Thùy L đại diện (ông S và bà L có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Công ty cổ phần tập đoàn ĐĐ

Trụ sở: quận Ba Đình, TP Hà Nội (địa chỉ liên lạc quận Thanh Xuân, TP Hà Nội); Người đại diện theo pháp luật: ông Mai Hữu Đ - Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Hiền N (địa chỉ ... quận Đống Đa, TP Hà Nội) (bà N có mặt tại phiên tòa).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Nguyễn Thị Thu, Luật sư Đặng Thị Dung- Công ty Luật hợp danh Đông Thành (bà Thu vắng mặt và bà Dung có mặt tại phiên tòa).

VỀ NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty tài chính cổ phần ĐL trình bày:

Ngày 12/6/2014, Công ty tài chính cổ phần ĐL (gọi tắt là nguyên đơn) và Công ty cổ phần tập đoàn ĐD (gọi tắt là bị đơn) ký Hợp đồng đặt cọc số 01/2014/HĐĐC/OGC-EVNFC với nội dung là nguyên đơn đặt cọc số tiền 240 tỷ đồng cho bị đơn để đảm bảo việc bị đơn sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 20 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần khách sạn và dịch vụ ĐD (mã cổ phiếu là OCH) cho nguyên đơn trong thời hạn 06 tháng (chậm nhất là ngày 15/12/2014). Trường hợp bị đơn không ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng thì bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc cho nguyên đơn và một khoản tiền cố định là 9,8 tỷ đồng, bị đơn chịu lãi chậm thanh toán nếu không hoàn trả đúng hạn số tiền trên.

Để đảm bảo cho việc thực hiện Hợp đồng, hai bên đã ký Hợp đồng cầm cố cổ phiếu kiêm ủy quyền số 01/2014/HĐCC/OGC-EVNFC ngày 12/6/2014 (bằng Hợp đồng này nguyên đơn đã nhận cầm cố 20 triệu cổ phiếu OCH). Sau khi ký hai hợp đồng trên, nguyên đơn chuyển số tiền 240 tỷ đồng để đặt cọc cho bị đơn. Ngày 15/12/2014, bị đơn đã không ký hợp đồng chuyển nhượng như hai bên đã thỏa thuận. Ngay sau ngày vi phạm một ngày, nguyên đơn đã có các công văn trao đổi với bị đơn về hướng xử lý đối với việc không thực hiện các thỏa thuận đã ký trong hợp đồng. Cụ thể:

Ngày 16/12/2014, nguyên đơn đã có Công văn số 665A gửi bị đơn yêu cầu hoàn trả khoản cọc trước ngày 19/12/2014 và thanh toán khoản phạt trước ngày 22/12/2014.

Ngày 27/12/2014, nguyên đơn đã có Công văn số 690 gửi bị đơn đưa ra 02 phương án xử lý, phương án là thực hiện thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phiếu theo phương thức chuyển khoản tại VSD và nguyên đơn hỗ trợ chi phí phát sinh nếu bị đơn chấp thuận; phương án 2 là khởi kiện và tiến hành đặt lệnh bán một phần hoặc toàn bộ cổ phiếu thông qua sàn giao dịch chứng khoán.

Ngày 27/12/2014, bị đơn có Công văn số 478 gửi nguyên đơn đề nghị tạo điều kiện về mặt thời gian để bị đơn xem xét, tìm hướng xử lý đối với vi phạm của bị đơn theo hợp đồng đặt cọc. Muộn nhất đến 30/12/2014, bị đơn sẽ đưa ra phương án xử lý.

Ngày 09/01/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 09 gửi bị đơn đề nghị Công ty cổ phần chứng khoán ĐD (gọi tắt là OCS) xử lý số cổ phiếu cầm cố theo yêu cầu của nguyên đơn mà không cần sự đồng ý của bị đơn.

Ngày 15/01/2015, OCS có Công văn số 35 gửi nguyên đơn đề nghị làm rõ điều kiện xử lý tài sản cầm cố là cổ phiếu OCH.

Ngày 16/3/2015, nguyên đơn có Công văn số 137 gửi OCS làm rõ điều kiện xử lý tài sản cầm cố là cổ phiếu bị đơn thời điểm vi phạm nghĩa vụ và các nghĩa vụ bị vi phạm.

Ngày 27/3/2015, OCS có Công văn số 105 gửi nguyên đơn có nội dung nguyên đơn chưa làm rõ được các nội dung OCS đề nghị làm rõ; OCS chưa nhận được bất kỳ văn bản xác nhận nào của bị đơn; Do chưa đủ cơ sở pháp lý cần thiết của bị đơn nên chưa thể xử lý tài sản bảo đảm theo yêu cầu của nguyên đơn.

Ngày 09/4/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 196 gửi bị đơn và OCS đề nghị làm việc 03 bên để làm rõ quan điểm về việc xử lý tài sản cầm cố.

Ngày 15/4/2015, ba bên là nguyên đơn, bị đơn và OCS có Biên bản làm việc giải quyết các vấn đề hai bên đang có tranh chấp.

Ngày 16/4/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 221 gửi bị đơn và OCS đề nghị bị đơn phản hồi cho nguyên đơn và OCS về việc xử lý cổ phiếu cầm cố theo Biên bản làm việc ngày 15/4/2015.

Ngày 18/4/2015, bị đơn có Công văn số 090B gửi nguyên đơn và OCS với nội dung hợp đồng chuyển nhượng không được ký kết theo thỏa thuận, bị đơn chưa thể hoàn trả và thanh toán các khoản tiền phát sinh. Do vậy, bị đơn sẽ tuân thủ đúng cam kết tại các hợp đồng và thỏa thuận đã ký.

Ngày 23/4/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 290 gửi bị đơn và OCS đề nghị OCS xác nhận việc thực hiện xử lý cổ phiếu ngay khi có yêu cầu của nguyên đơn và hướng dẫn thủ tục xử lý.

Ngày 24/4/2015, OCS có Công văn số 256 gửi nguyên đơn và bị đơn đề nghị nguyên đơn cử cán bộ đầu mối liên hệ để OCS hướng dẫn thủ tục cần thiết phù hợp với phương thức xử lý tài sản cầm cố mà nguyên đơn lựa chọn theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/5/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 312 gửi OCS thông báo phương thức xử lý chứng khoán cầm cố.

Ngày 01/6/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 398 gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước đề xuất nhận chuyển nhượng cổ phiếu theo phương thức không thông qua hệ thống giao dịch để thực hiện bù trừ khoản tiền đã đặt mua cổ phiếu và các chi phí phát sinh liên quan với giá nhận chuyển nhượng là 12.000 đồng/cổ phiếu.

Ngày 04/6/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 403A gửi bị đơn thông báo về việc cổ phiếu cầm cố không có tính thanh khoản, giá trị không đủ để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ. Do đó, đề nghị bị đơn thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền đặt cọc trước 15/6/2015 hoặc bổ sung tài sản bảo đảm.

Ngày 23/6/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 456A gửi bị đơn đề nghị thanh toán trước ngày 25/6/2015, trường hợp không thanh toán đúng thời hạn trên, đề nghị phối hợp chuyển quyền sở hữu 20.000.000 cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của bị đơn sang cho nguyên đơn tại VSD. Đề nghị bị đơn thanh toán hoặc bổ sung tài sản đảm bảo và đưa ra phương án thanh toán trước ngày 25/6/2015.

Ngày 24/6/2015, Ủy ban chứng khoán nhà nước có Công văn số 3705 đồng ý về nguyên tắc sử dụng phương thức chuyển quyền sở hữu tại VSD để thực hiện việc xử lý tài sản cầm cố. Các bên phải tuân thủ pháp luật về hợp đồng, pháp luật về chứng khoán, pháp luật về tổ chức tín dụng và quy định pháp luật khác có liên quan.

Ngày 30/6/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 475 gửi OGC thông báo phương án xử lý tài sản cầm cố là chuyển nhượng theo hình thức chuyển quyền sở hữu 20.000.000 cổ phiếu OCH thuộc sở hữu của bị đơn sang nguyên đơn thông qua hệ thống của VSD, đề nghị bị đơn với vai trò là bên chuyển nhượng thực hiện ký vào văn bản đề nghị chuyển quyền sở hữu để hoàn tất thủ tục và gửi lại trước ngày 03/07/2015, trường

hợp bị đơn không phản hồi, nguyên đơn sẽ toàn quyền thay mặt và nhân danh bị đơn thực hiện các quyền của chủ sở hữu đối với 20.000.000 cổ phiếu OCH.

Ngày 06/7/2015, nguyên đơn đã có Công văn số 501 gửi VSD hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu, nguyên đơn gửi VSD không có chữ ký của bị đơn do bị đơn không phối hợp, mặc dù đã được nguyên đơn thông báo. Đề nghị VSD giải tỏa số cổ phiếu OCH cầm cố và thực hiện việc chuyển quyền sở hữu 20.000.000 cổ phiếu OCH từ bị đơn sang nguyên đơn qua hệ thống VSD để xử lý tài sản cầm cố theo quy định tại hợp đồng cầm cố.

Ngày 15/7/2015, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam có tờ trình số 33 gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước xác định giao dịch chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống của SGDC là hợp pháp do đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp thuận. Đề xuất cho phép thực hiện giao dịch và xin ý kiến chỉ đạo về việc hồ sơ chuyển quyền sở hữu không cần có chữ ký của bị đơn.

Ngày 16/7/2015, Ủy ban chứng khoán nhà nước có Công văn số 4487 chấp thuận cho VSD được xử lý theo hướng đề xuất tại tờ trình số 33.

Ngày 17/7/2015, nguyên đơn đã thực hiện việc chuyển nhượng 19.950.000 cổ phiếu OCH từ bị đơn sang nguyên đơn.

Ngày 20/7/2015, bị đơn có Công văn số 169 gửi nguyên đơn đề nghị nguyên đơn xác nhận về việc đã hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 19.950.000 đồng cổ phiếu OCH và đề nghị nguyên đơn tiến hành thanh lý hợp đồng.

Ngày 21/7/2015, nguyên đơn có Công văn số 550 gửi bị đơn xác nhận đã thực hiện chuyển quyền sở hữu 19.950.000 đồng cổ phiếu OCH là tài sản cầm cố theo hợp đồng cầm cố từ bị đơn sang nguyên đơn vào ngày 17/7/2015. Đề nghị bị đơn phối hợp xử lý 50.000 cổ phiếu còn lại và thanh toán khoản phí chuyển nhượng 19.950.000 đồng. Tiến hành xác nhận công nợ và hoàn tất các thủ tục thanh lý các hợp đồng.

Ngày 19/8/2015, nguyên đơn có Công văn số 633 gửi bị đơn đề nghị tổ chức buổi làm việc để thực hiện các trình tự, thủ tục liên quan đến xác nhận công nợ và hoàn tất các thủ tục thanh lý.

Ngày 20/10/2015, nguyên đơn có Công văn số 770 gửi bị đơn đề nghị thực hiện nghĩa vụ tài chính còn lại.

Ngày 22/10/2015, bị đơn có Công văn số 225 gửi nguyên đơn có nội dung nguyên đơn đã không xử lý kịp thời tài sản cầm cố theo thỏa thuận, dẫn đến trị giá cổ phiếu OCH giảm, gây thiệt hại cho bị đơn.

Đến hết ngày 15/12/2014, theo thỏa thuận của hai bên, bị đơn không thực hiện các cam kết đã ký trong hai hợp đồng trên. Nguyên đơn đã có các công văn trao đổi với bị đơn về hướng xử lý đối với việc không thực hiện các thỏa thuận đã ký trong hợp đồng. Tuy nhiên bị đơn không hợp tác đối với nguyên đơn, do đó nguyên đơn có căn cứ xử lý 20.000.000 cổ phiếu OCH đã cầm cố, cụ thể nguyên đơn đã xử lý số cổ phiếu trên trong 02 lần, lần 1 xử lý 19.950.000 cổ phiếu vào ngày 17/7/2015 giá chuyển nhượng là

9000VND/cổ phiếu, tổng số tiền thu được là 179.550.000.000 đồng, phát sinh phí chuyển nhượng là 179.550.000 đồng. Lần 2 xử lý 50.000 cổ phiếu còn lại vào tháng 11 và 12/2017, tổng số tiền thu được là 313.451.030 đồng, có phát sinh phí xử lý nhưng số tiền không lớn nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tổng số tiền thu được từ việc xử lý 20 triệu cổ phiếu OCH là 179.863.451.030 đồng.

Như vậy, bị đơn đã vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn, tổng số tiền tạm tính đến ngày 03/8/2020 là 115.531.955.367 đồng, trong đó:

- Khoản chênh lệch sau khi nguyên đơn xử lý tài sản cầm cố với 20 triệu cổ phiếu OCH là 60.136.548.970 đồng;

- Khoản tiền cố định phải trả theo điểm a khoản 2 điều 5 hợp đồng đặt cọc là 9.800.000.000 đồng;

- Khoản tiền phạt do chậm thanh toán theo khoản 2 điều 5 hợp đồng đặt cọc, tạm tính đến ngày 03/8/2020 là 45.415.856.397 đồng. Bao gồm lãi của số tiền 240 tỷ đồng tính từ ngày 20/12/2014 đến 17/7/2015 (ngày xử lý lần 1 đối với 19.950.000 cổ phiếu) là 12.600.000.000 đồng; lãi của số tiền 60.450.000.000 đồng tính từ ngày 18/7/2015 đến ngày 03/11/2017 (là ngày xử lý lần 1) là 12.694.500.000 đồng; lãi của số tiền 60.294.519.760 đồng tính từ ngày 04/11/2017 đến ngày 27/12/2017 (là ngày xử lý lần 2) là 813.976.017 đồng; lãi của số tiền 60.136.548.974 đồng tính từ ngày 28/12/2017 đến ngày 03/8/2020 là 14.390.906.397 đồng và lãi của số tiền 9.800.000.000 đồng tính từ ngày 23/12/2014 đến ngày 03/8/2020 là 5.024.950.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 đến khi trả dứt nợ theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc.

- Khoản phí chuyển nhượng 19.950.000 cổ phiếu bị đơn do bị đơn ứng trước thanh toán cho bị đơn theo quy định tại hợp đồng cầm cố cổ phiếu kiểm ủy quyền là 179.550.000 đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty cổ phần tập đoàn ĐD trình bày:

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng đặt cọc mua bán cổ phiếu và hợp đồng cầm cố cổ phiếu giữa nguyên đơn, bị đơn đúng như nguyên đơn trình bày. Sau khi ký hai hợp đồng trên, nguyên đơn đã chuyển số tiền 240 tỷ đồng để đặt cọc cho bị đơn. Nguyên đơn đã nhận cầm cố 20 triệu cổ phiếu OCH của bị đơn.

Bị đơn không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì:

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền chênh lệch sau khi nguyên đơn đã xử lý 20 triệu cổ phiếu bị đơn là 60.136.548.970 đồng, bị đơn không chấp nhận vì:

+ Nguyên đơn đã xử lý tài sản cầm cố không đúng phương thức quy định tại hợp đồng cầm cố (điều 9 hợp đồng cầm cố, khoản 5 điều 144, điều 336 Bộ luật dân sự 2005 và vi phạm quy định tại khoản 1 điều 67 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, Quy chế hoạt động lưu ký chứng khoán được ban hành theo quyết định số 22 ngày 13/03/2015).

+ Nguyên đơn xử lý tài sản cầm cố sai thời điểm nên mới phát sinh sự chênh lệch về giá cổ phiếu (khoản 1 điều 9 hợp đồng cầm cố và Biên bản làm việc ngày 15/4/2015, Văn bản số 221 ngày 16/4/2015 của nguyên đơn gửi bị đơn, Văn bản số 090B ngày 18/4/2015 của bị đơn gửi nguyên đơn).

+ Không có thỏa thuận giữa hai bên về việc phải trả tiền chênh lệch sau khi xử lý tài sản cầm cố đồng thời cũng không có quy định nào của pháp luật quy định về vấn đề trên.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán số tiền phạt cọc là 9,8 tỷ đồng. Bị đơn cũng không đồng ý vì ngày 08/4/2016, bị đơn có Công văn 089 gửi nguyên đơn với nội dung đề nghị nguyên đơn phải thanh lý tất cả các hợp đồng đặt cọc, cầm cố, ủy quyền thì bị đơn sẽ thanh toán khoản tiền trên nhưng nguyên đơn không đồng ý thanh lý tất cả các hợp đồng nên bị đơn sẽ không thực hiện thanh toán khoản tiền trên.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải chịu khoản tiền phạt do chậm thanh toán theo khoản 2 điều 5 hợp đồng đặt cọc, tạm tính đến ngày 03/8/2020 là 45.415.856.397 đồng. Bao gồm lãi của số tiền 240 tỷ đồng tính từ ngày 20/12/2014 đến 17/7/2015 (ngày xử lý lần 1 đối với 19.950.000 cổ phiếu) là 12.600.000.000 đồng, lãi của số tiền 60.450.000.000 đồng tính từ ngày 18/7/2015 đến ngày 03/11/2017 (là ngày xử lý lần 1) là 12.694.500.000 đồng, lãi của số tiền 60.294.519.760 đồng tính từ ngày 04/11/2017 đến ngày 27/12/2017 (là ngày xử lý lần 2) là 813.976.017 đồng; lãi của số tiền 60.136.548.974 đồng tính từ ngày 28/12/2017 đến ngày 03/8/2020 là 14.390.906.397 đồng và lãi của số tiền 9,8 tỷ đồng tính từ ngày 23/12/2014 đến ngày 03/8/2020 là 5.024.950.000 đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 04/8/2020 đến khi trả dứt nợ theo lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc, bị đơn không đồng ý là do:

+ Trong hợp đồng đặt cọc không có quy định về lãi suất;

+ Không có cơ sở để tính khoản tiền chênh lệch nên nguyên đơn tính lãi trên khoản tiền chênh lệch là không có căn cứ đồng thời do bị đơn không chấp nhận khoản tiền 9,8 tỷ đồng nên không có căn cứ để tính lãi đối với số tiền này.

- Đối với yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán khoản phí chuyển nhượng cổ phiếu lần một là 179.550.000 đồng. Bị đơn không chấp nhận với lý do là nguyên đơn vi phạm hợp đồng cầm cố 01/2014 khi chuyển quyền sở hữu 19.950.000 cổ phiếu OCH không đúng quy định của pháp luật vì vậy nguyên đơn không có căn cứ để buộc bị đơn phải thanh toán số tiền trên.

- Bị đơn đã có yêu cầu phản tố. Yêu cầu nguyên đơn trả lại cho bị đơn 10.243.902 cổ phiếu OCH (giá tạm tính tại thời điểm 03/9/2019 là 7000 đồng/cổ phiếu tương ứng với số tiền 71.714.314.000 đồng) là số cổ phiếu còn lại sau khi nguyên đơn xử lý tài sản cầm cố để thu về khoản tiền đặt cọc 240 tỷ đồng tính tại thời điểm 18/4/2015 (giá cổ phiếu là 24.600 đồng/cổ phiếu).

- Bị đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì thời hiệu khởi kiện đã hết theo điều 319 Luật thương mại và điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 09/7/2020, bị đơn nộp đơn thay đổi yêu cầu phản tố có nội dung bị đơn đề nghị Tòa án ra phán quyết buộc nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn số tiền nhận chuyển nhượng cổ phiếu OCH còn thiếu sau khi nguyên đơn thực hiện giao dịch chuyển nhượng theo giá đã thỏa thuận tại hợp đồng đặt cọc là 59.563.451.030 đồng và thanh toán tiền lãi cho bị đơn đối với số tiền chậm thanh toán tạm tính đến ngày 10/7/2020 là 30.936.239.204 đồng. Tổng cộng nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 90.501.690.234 đồng.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 48/2020/KDTM- ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.
2. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn tổng số tiền 22.579.550.000 đồng.
3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với Bản án sơ thẩm nêu trên, nguyên đơn và bị đơn đều kháng cáo và đề nghị Tòa án phúc thẩm:

Nguyên đơn kháng cáo một phần đối với Bản án sơ thẩm là việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định giá xử lý tài sản cầm cố là 19.950.000 cổ phiếu OCH vào ngày 17/7/2015 là 12.000 đồng/cổ phiếu; Quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về việc không buộc bị đơn phải chịu khoản tiền lãi do chậm thanh toán, cụ thể:

Khoản tiền lãi của số tiền 60.450.000.000 đồng (kể từ ngày 18/7/2015 đến ngày 03/11/2017), lãi của số tiền 60.294.519.760 đồng (kể từ ngày 04/11/2017 đến ngày 27/12/2017), lãi của số liền chênh lệch còn lại sau khi xử lý là 60.136.548.970 đồng. Tổng lãi 27.790.906.414 đồng.

Khoản tiền lãi do chậm thanh toán khoản tiền cố định phải trả 9,8 tỷ đồng (kể từ ngày 23/12/2014 đến ngày 03/8/2020) là 5.024.950.000 đồng.

Lý do kháng cáo là Tòa án sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và đưa ra quyết định và những nội dung bị kháng cáo không đúng với quy định của pháp luật và thỏa thuận của các bên dẫn đến nội dung quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm không chính xác, không thỏa đáng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Bị đơn kháng cáo một phần đối với Bản án sơ thẩm số 48/2020/KDTM-ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán các khoản

tiền là khoản tiền chênh lệch sau khi nguyên đơn đã xử lý 20 triệu cổ phiếu OCH, số tiền phạt cọc và khoản tiền phạt do chậm thanh toán, khoản phí chuyển nhượng cổ phiếu lần một, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là buộc nguyên đơn tuân thủ theo đúng những thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết về việc giao dịch chuyển nhượng 20 triệu cổ phiếu OCH và thực hiện các nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch trên. Cụ thể, nguyên đơn có nghĩa vụ thanh toán cho bị đơn số tiền nhận chuyển nhượng cổ phiếu OCH còn thiếu theo hợp đồng và số tiền bán 50.000 cổ phiếu là 59.563.451.030 đồng.

Lý do kháng cáo là Tòa án sơ thẩm đã không đánh giá đúng bản chất pháp lý của sự việc, các giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến 20 triệu cổ phiếu OCH cũng như các căn cứ pháp lý liên quan, chứng cứ của vụ án dẫn đến quyết định chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là không đúng pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi hợp pháp của bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Tòa án sơ thẩm đã xác định giá cổ phiếu OCH để xử lý tài sản cầm cố với mức 12.000đồng/cổ phiếu là không có căn cứ, không có sự thỏa thuận của hai bên về việc xác định giá cổ phiếu như thế này, không có cơ quan nào có thẩm quyền xác định giá này và pháp luật không có quy định xác định giá cổ phiếu là 12.000đồng/cổ phiếu. Việc áp dụng mức giá này gây thiệt hại cho nguyên đơn, cần xác định giá theo quy định của pháp luật tại điều 65 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP, chứng khoán là loại hàng hóa đặc biệt, giá được niêm yết trên sàn chứng khoán, căn cứ giá trên thị trường của OCH để xác định và xử lý mới có căn cứ phù hợp với pháp luật và không gây thiệt hại cho ai.

Nguyên đơn đã tiến hành xử lý tài sản cầm cố là cổ phiếu đúng theo thỏa thuận của hai bên ký kết và được sự đồng ý của Ủy ban chứng khoán nhà nước chứ không phải thực hiện hợp đồng chuyển nhượng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Kháng cáo của bị đơn không có căn cứ pháp luật.

Người đại diện ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày:

Trong quá trình xét xử sơ thẩm bị đơn đã nhiều lần đưa vấn đề thời hiệu ra để yêu cầu Tòa án sơ thẩm xem xét nhưng không được giải quyết. Trong thông báo thụ lý vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm nêu rõ đây là vụ án kinh doanh thương mại nhưng lại áp dụng Bộ luật dân sự và cho rằng thời hiệu khởi kiện là 3 năm kể từ ngày phát sinh tranh chấp là chưa chính xác.

Trong phiên tòa hôm nay, bị đơn không đề cập đến thời điểm phát sinh tranh chấp để xác định thời điểm bắt đầu tính thời hiệu mà chỉ đề cập đến luật áp dụng. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng đây là quan hệ mua bán cổ phiếu nên áp dụng Luật chứng khoán để giải quyết. Do Luật chứng khoán không quy định về thời hiệu nên Tòa án áp dụng các

quy định của Bộ luật dân sự để tính thời hiệu là không đúng. Luật chứng khoán là luật chuyên ngành nhưng giao dịch đặt cọc là hoạt động đầu tư của doanh nghiệp nhằm mục đích sinh lời của cả hai doanh nghiệp. Phạm vi điều chỉnh của Luật thương mại bao gồm các hoạt động đầu tư và xúc tiến đầu tư. Do vậy, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào các quy định của Luật thương mại để xác định lại về thời hiệu.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về khoản tiền phạt cọc 9,8 tỷ đồng theo điểm a khoản 2 điều 5 của hợp đồng đặt cọc là không có căn cứ. Theo quy định tại điểm 1.3 điều 5 của hợp đồng cầm cố và tại các văn bản các bên gửi cho nhau cũng như tại Biên bản làm việc ngày 15/4/2015, Công văn số 221 ngày 16/4/2015 của nguyên đơn đều khẳng định hợp đồng chuyển nhượng không được ký kết và không nói do lỗi của bên nào. Theo quy định tại điều 1.2 hợp đồng đặt cọc, thực hiện các quy định của pháp luật để hoàn tất chuyển nhượng là nghĩa vụ của cả hai bên chứ không phải riêng trách nhiệm của bị đơn. Do vậy, hợp đồng đặt cọc không phải được chấm dứt theo 5 trường hợp quy định tại điều 5.1 của hợp đồng đặt cọc, nên không đủ 2 điều kiện để phạt cọc như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 08/4/2016, bị đơn gửi Công văn số 089 cho nguyên đơn nêu rằng bị đơn sẽ thanh toán số tiền phạt nêu trên đồng thời với việc nguyên đơn thống nhất được về việc chấm dứt/thanh lý mọi hợp đồng, giao dịch có liên quan bao gồm nhưng không giới hạn bởi hợp đồng đặt cọc, hợp đồng cầm cố và hợp đồng ủy quyền nhưng nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn đưa ra lộ trình thanh toán mà không đề cập đến vấn đề thanh lý các hợp đồng. Vì ngày 17/7/2015, nguyên đơn lại thực hiện giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu do bị đơn sở hữu sang cho nguyên đơn. Như vậy, mục đích của hợp đồng đặt cọc là thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu đã đạt được, giao dịch đã hoàn thành nên bị đơn không phải chịu tiền phạt nói trên.

Việc không ký kết được hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu là lỗi của cả nguyên đơn và bị đơn chứ không do lỗi của riêng bị đơn. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền phạt 9,8 tỷ đồng.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi theo khoản 2 điều 5 hợp đồng đặt cọc (kể từ ngày 20/12/2014 đến ngày 17/7/2015) là 12,6 tỷ đồng là không có căn cứ. Nếu nguyên đơn xử lý tài sản cầm cố đúng theo thỏa thuận đồng thời với việc bị đơn phải là bên có lỗi trong việc không ký hợp đồng chuyển nhượng thì vấn đề tiền lãi mới được đặt ra. Bị đơn cho rằng nguyên đơn không có cơ sở để yêu cầu thanh toán tiền lãi nói trên, bị đơn không chấp nhận khoản lãi này và kháng cáo của bị đơn là hoàn toàn có căn cứ pháp luật. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền lãi 12,6 tỷ đồng.

Bản án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền phí chuyển nhượng cổ phiếu là 179.550.000 đồng là không có cơ sở, nguyên đơn vi phạm hợp đồng cầm cố, thực hiện việc chuyển quyền sở hữu 19,95 triệu cổ phiếu OCH của bị đơn sang tên mình là không

đúng thỏa thuận. Nguyên đơn đã chuyển nhượng cổ phiếu sang cho mình chứ không phải thực hiện xử lý tài sản cầm cố theo hợp đồng cầm cố. Hai bên chưa có thỏa thuận nào về phí chuyển nhượng cổ phiếu trong trường hợp chuyển nhượng cổ phiếu. Do vậy, nguyên đơn không có căn cứ đòi khoản tiền phí chuyển nhượng nói trên. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với khoản tiền phí chuyển nhượng cổ phiếu là 179.550.000đồng.

Bản án sơ thẩm bác yêu cầu phản tố của bị đơn là không khách quan, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền 59.563.451.030đồng là tiền còn thiếu của giao dịch mua bán 19.950.000 cổ phiếu và tiền bán 50.000 cổ phiếu OCH.

Từ những phân tích trên bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn trong thời hạn luật định và các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên kháng cáo của các đương sự là hợp lệ.

Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án từ thủ tục thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và tiến hành phiên tòa. Thư ký đã làm đầy đủ nhiệm vụ và phổ biến nội quy phiên tòa. Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, đã được tranh luận và trình bày căn cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Về yêu cầu của bị đơn về việc xác định thời hiệu khởi kiện vụ án không còn, đại diện Viện kiểm sát thấy ngày 08/4/2016 bị đơn có văn bản cuối cùng gửi cho nguyên đơn thảo luận về việc thanh lý các hợp đồng đặt cọc, hợp đồng cầm cố và bồi thường tiền phạt cho nguyên đơn, nên ngày này phải được xác định là ngày có tranh chấp và tính thời hiệu. Nguyên đơn khởi kiện vào ngày 29/3/2019 là trong thời hiệu nên kháng cáo của bị đơn về vấn đề này là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét các yêu cầu kháng cáokhác của nguyên đơn và bị đơn: đại diện Viện kiểm sát thấy Bản án sơ thẩm đã xác định đúng bị đơn là bên vi phạm hợp đồng nên theo hợp đồng đặt cọc bị đơn phải bồi thường cho nguyên đơn số tiền 9,8 tỷ đồng và số tiền lãi của số tiền đặt cọc 240 tỷ đồng (kết từ ngày 20/12/2014 đến ngày 17/7/2015 là ngày số cổ phiếu được chuyển nhượng cho nguyên đơn) là phù hợp với các thỏa thuận của nguyên đơn, bị đơn trong hợp đồng đặt cọc. Việc tính lãi của Tòa án sơ thẩm cũng đúng với thỏa thuận của các bên là lấy lãi suất trung bình của bốn ngân hàng, nên kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Về số tiền 179.550.000đồng chi phí cho việc sang tên số cổ phiếu OCH từ bị đơn sang cho nguyên đơn, đây là số tiền nguyên đơn đã ứng ra trả cho OCS và có phiếu

chuyển tiền của nguyên đơn nên Bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả số tiền này cho nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cầm cố.

Từ phân tích trên, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác các yêu cầu kháng cáo của cả nguyên đơn, bị đơn và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đây là tranh chấp hợp đồng đặt cọc mua bán cổ phiếu giữa hai doanh nghiệp, bị đơn có trụ sở tại quận Ba Đình nên đây là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm và Tòa án nhân dân TP Hà Nội giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

Nguyên đơn, bị đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do vậy, kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn đều hợp lệ.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện và đình chỉ việc xét xử vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy ngày 08/4/2016 bị đơn có Công văn cuối cùng gửi cho nguyên đơn thảo luận về việc thanh lý các hợp đồng đặt cọc, hợp đồng cầm cố và bồi thường tiền phạt cho nguyên đơn. Đó đó, xác định ngày 08/4/2016 là ngày có tranh chấp và tính thời hiệu khởi kiện. Luật chứng khoán không quy định thời hiệu khởi kiện đối với các tranh chấp hợp đồng mua bán cổ phiếu, nên phải áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết vụ án và thời hiệu khởi kiện là 3 năm kể từ ngày xảy ra tranh chấp. Nguyên đơn khởi kiện vào ngày 29/3/2019 là trong thời hiệu nên kháng cáo về vấn đề này của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Về nội dung vụ tranh chấp và kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn:

Ngày 12/6/2014, nguyên đơn và bị đơn ký hợp đồng đặt cọc số 01 với nội dung là nguyên đơn đặt cọc số tiền 240 tỷ đồng cho bị đơn để đảm bảo việc bị đơn sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng 20 triệu cổ phiếu OCH cho nguyên đơn trong thời hạn 06 tháng, chậm nhất là ngày 15/12/2014. Trường hợp bị đơn không ký kết và thực hiện hợp đồng chuyển nhượng, thì bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ số tiền đặt cọc cho nguyên đơn và một khoản tiền phạt cố định là 9,8 tỷ đồng. Ngoài ra, bị đơn còn phải chịu lãi chậm thanh toán nếu không hoàn trả đúng hạn số tiền đặt cọc là 240 tỷ đồng. Để đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng trên, hai bên đã ký hợp đồng cầm cố cổ phiếu kiêm ủy quyền số 01 cùng ngày 12/6/2014.

Sau khi ký hai hợp đồng trên, nguyên đơn đã tiến hành chuyển cho bị đơn số tiền 240 tỷ đồng để đặt cọc cho bị đơn. Nguyên đơn đã nhận cầm cố 20 triệu cổ phiếu OCH của bị đơn theo thỏa thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết.

Theo hợp đồng đặt cọc thì ngày 15/12/2014 là ngày chậm nhất hai bên phải ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phiếu nhưng bị đơn đã không ký hợp đồng chuyển nhượng là vi phạm hợp đồng, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định bị đơn có lỗi và gây thiệt hại cho nguyên đơn và phải bồi thường theo các thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc là có cơ sở.

Ngày 16/12/2014, nguyên đơn đã có Công văn số 665A gửi bị đơn yêu cầu bị đơn hoàn trả khoản cọc trước ngày 19/12/2014, thanh toán khoản tiền phạt trước ngày 22/12/2014. Các bên sau đó liên tục có các văn bản trao đổi qua lại, biên bản làm việc với nhau và làm việc với OCS. Ngày 01/6/2015, nguyên đơn có Công văn số 398 gửi Ủy ban chứng khoán nhà nước đề xuất nhận chuyển nhượng số cổ phiếu OCH với giá 12.000 đồng/cổ phiếu để thực hiện việc bù trừ khoản tiền mà nguyên đơn đã đặt cọc mua cổ phiếu và các chi phí phát sinh liên quan và đã được Ủy ban chứng khoán nhà nước chấp nhận thể hiện qua Công văn số 3705 ngày 24/6/2015. Với số tiền 12.000 đồng/cổ phiếu x 20 triệu cổ phiếu là 240 tỷ đồng đúng bằng số tiền nguyên đơn đã đặt cọc nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn khoản tiền chênh lệch sau khi nguyên đơn đã xử lý 20 triệu cổ phiếu OCH là hơn 60 tỷ đồng và số tiền lãi của khoản tiền này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải thanh toán số tiền vi phạm hợp đồng đặt cọc là 9,8 tỷ đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy tại điểm a khoản 2 điều 5 hợp đồng đặt cọc đã nêu rõ là nếu bị đơn không thực hiện việc bán số cổ phiếu cho nguyên đơn đúng thời hạn, thì bị đơn có nghĩa vụ trả lại khoản tiền đặt cọc cho nguyên đơn, đồng thời phải thanh toán ngay một khoản tiền phạt cố định là 9,8 tỷ đồng. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ được xem xét chấp nhận về khoản tiền phạt 9,8 tỷ đồng. Tuy nhiên, trong đơn kháng cáo của nguyên đơn đòi số tiền lãi của khoản tiền này là không có căn cứ để chấp nhận vì trong hợp đồng đặt cọc hai bên chỉ thỏa thuận là bị đơn phải chịu tiền lãi của số tiền đặt cọc 240 tỷ đồng. Do đó, kháng cáo này của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu thanh toán tiền lãi của số tiền 240 tỷ đồng tính từ ngày 20/12/2014 đến 17/7/2015, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không ký hợp đồng mua bán cổ phiếu vào ngày 15/12/2014 và cũng không hoàn lại số tiền đặt cọc cho nguyên đơn theo như thỏa thuận là bị đơn đã vi phạm Hợp đồng. Nguyên đơn ra thông báo cho bị đơn biết muộn nhất ngày 19/12/2014 mà bị đơn không trả nguyên đơn tiền đặt cọc thì bị đơn phải chịu lãi của số tiền này. Do bị đơn không thu sếp được tiền trả cho nguyên đơn nên kể từ ngày 20/12/2014 nguyên đơn được tính lãi của số tiền 240 tỷ đồng đến ngày nguyên đơn xử lý số cổ phiếu là ngày 17/7/2015 là có cơ sở để chấp nhận. Việc nguyên đơn không xử lý hết toàn bộ số cổ phiếu đặt cọc và cầm cố vào ngày 17/7/2015 là lỗi của nguyên đơn nên Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ số lãi chậm trả của nguyên đơn với mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng đặt cọc là hoàn toàn có cơ sở và đúng pháp luật.

Căn cứ tính lãi được các bên thỏa thuận tại điều 1.2 hợp đồng là 150% mức lãi suất bình quân kỳ hạn 12 tháng của bốn Ngân hàng là BIDV, Vietcombank, Vietinbank và Agribank tại thời điểm thanh toán. Tòa án sơ thẩm đã tính ra số tiền này là 12,6 tỷ đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán khoản chi phí chuyển nhượng cổ phiếu lần 1 là 179.550.000 đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, tại điều 6 và điều 9 hợp đồng cầm cố hai bên đã thỏa thuận là bị đơn chịu mọi chi phí phát sinh hợp lệ, hợp pháp để xử lý tài sản cầm cố thuộc trách nhiệm của bị đơn. Nguyên đơn đã ứng trước chi phí để xử lý tài sản cầm cố thì bị đơn phải thanh toán lại cho nguyên đơn. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu này của bị đơn là có cơ sở và phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng cầm cố.

Chi phí nguyên đơn đã ứng trước để xử lý tài sản cầm cố là 19.950.000 cổ phiếu OCH theo phương thức chuyển quyền sở hữu thông qua VSD, nguyên đơn đã tiến hành ứng trước 179.550.000 đồng để thanh toán cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Đây là khoản chi phí hợp lệ và hợp pháp để xử lý tài sản cầm cố, do VSD và OCS yêu cầu nguyên đơn thanh toán tại Công văn số 7114 ngày 17/07/2015 và Công văn số 223 ngày 21/07/2015. Thực tế, nguyên đơn đã tiến hành thanh toán khoản phí này thể hiện qua chuyển khoản ngày 22/07/2015 và Giấy báo nợ ngày 22/07/2015 của Ngân hàng An Bình. Do đó, yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Bị đơn kháng cáo về nội dung này là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với kháng cáo của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn và buộc nguyên đơn phải thanh toán cho bị đơn số tiền nhận chuyển nhượng cổ phiếu còn thiếu và số tiền bán 50 nghìn cổ phiếu là hơn 59 tỷ đồng, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bị đơn là bên vi phạm hợp đồng. Trong quá trình làm việc, đàm phán về việc giải quyết hậu quả của việc vi phạm hợp đồng của bị đơn, nguyên đơn liên tục yêu cầu bị đơn nhận lại số cổ phiếu và trả lại tiền đặt cọc nhưng bị đơn đã không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên ký kết. Xác định bị đơn hoàn toàn có lỗi nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy các kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn đều không có cơ sở để chấp nhận, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội là có căn cứ để chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Rút kinh nghiệm đối với Tòa án sơ thẩm trong việc tuyên lãi suất thi hành án chưa đúng với quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần phải sửa lại nội dung này của Bản án sơ thẩm.

Về án phí: do kháng cáo của cả nguyên đơn và bị đơn đều không được chấp nhận nên cả nguyên đơn và bị đơn đều phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Đối với án phí sơ thẩm của bị đơn, Tòa án sơ thẩm đã tính toán chưa chính xác cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Các điều 30, 35, 39, 144, 147, 228, 271, 273, 293 và 309 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các điều 124, 326, 331, 338 và 358 Bộ luật dân sự 2005;
- Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;
- Các điều 8,9, 42, 45, 54 và 55 Luật chứng khoán được sửa đổi, bổ sung 2010;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty tài chính cổ phần ĐL và kháng cáo của Công ty cổ phần tập đoàn ĐD. Sửa một phần Bản án sơ thẩm số 48/2020/KDTM- ST ngày 03/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty tài chính cổ phần ĐL đối với Công ty cổ phần tập đoàn ĐD về việc tranh chấp hợp đồng đặt cọc.

3. Buộc Công ty cổ phần tập đoàn ĐD phải thanh toán cho Công ty tài chính cổ phần ĐL với tổng số tiền 22.579.000.000 (hai mươi hai tỷ năm trăm bảy mươi chín triệu) đồng.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty cổ phần tập đoàn ĐD.

Công ty cổ phần tập đoàn ĐD phải tiếp tục chịu lãi của số tiền 22.579.000.000 (hai mươi hai tỉ năm trăm bảy mươi chín triệu) đồng kể từ ngày 04/8/2020 theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 cho đến khi thi hành xong.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí:

a. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty tài chính cổ phần ĐL phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền không được chấp nhận là 200.952.955 (hai trăm triệu chín trăm năm mươi hai nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng. Xác nhận Công ty tài chính cổ phần ĐL đã nộp số tiền 109.999.000 (một trăm linh chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 005425 ngày 02/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Công ty tài chính cổ phần ĐL còn phải nộp tiếp 90.953.955 (chín mươi triệu chín trăm năm mươi ba nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng.

- Công ty cổ phần tập đoàn ĐD phải chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty tài chính cổ phần ĐL là 130.579.550 (một trăm ba mươi triệu năm trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm lăm mươi) đồng và 167.563.451 (một trăm sáu mươi bảy triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bốn trăm lăm mươi một) đồng tiền yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng là 298.143.001 (hai trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn không trăm không chục một) đồng. Xác nhận Công ty cổ phần tập đoàn ĐD đã nộp 89.857.000 (tám mươi chín triệu tám trăm năm bảy nghìn) đồng số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0005798 ngày 13/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình. Công ty cổ phần tập đoàn ĐD phải nộp tiếp là 208.286.001 (hai trăm linh tám triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn không trăm không chục một) đồng.

b. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

- Công ty tài chính cổ phần ĐL phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 24710 ngày 20/8/2020 của Chi cục thi hành án quận Ba Đình.

- Công ty cổ phần tập đoàn ĐD phải chịu 2.000.000 (hai triệu) đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 24720 ngày 26/5/2020 của Chi cục thi hành án quận Ba Đình.

Bản án phúc thẩm xử công khai và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND quận Ba Đình;
- Chi cục THADS quận Ba Đình;
- Lưu HS, VP, HCTP, TKT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Thành